

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 163/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1990

Trú tại: Xóm C, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1982

Trú tại: Xóm C, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Duy K

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Duy K nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị N, anh K cùng xác định có 02 con chung là Nguyễn Thùy L, sinh ngày 14/01/2010 và Nguyễn Bích Ng, sinh ngày 28/9/2014. Chị N, anh K thoả thuận sau khi ly hôn chị N được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn

Bích Ng, anh K được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thùy L, đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị N, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quyền thăm nom con chung: Chị N, anh K được quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị N, anh K xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có tài sản cho ai vay và không vay nợ ai, không đề nghị tòa án xem xét.

- Về án phí: Chị N tự nguyện chịu 150.000^d án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0013327 ngày 22/5/2020 tại Chi cục THADS huyện Đ. Hoàn trả chị N 150.000đ số tiền tạm ứng án phí còn lại đã nộp theo biên lai thu số 0013327 ngày 22/5/2020 tại Chi cục THADS huyện Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã T, huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

LƯƠNG ĐỨC LONG